

Quan điểm của Jean-François Lyotard trong tác phẩm *Điều kiện hậu hiện đại: Báo cáo về nhận thức*

Nguyễn Tấn Hùng^(*)
Dương Thị Phương^(**)

Tóm tắt: Jean-François Lyotard là nhà triết học Pháp tiêu biểu cho khuynh hướng triết học hậu hiện đại. Với tác phẩm “Điều kiện hậu hiện đại: Báo cáo về nhận thức”, J.F. Lyotard trở thành người đầu tiên đưa khái niệm “hậu hiện đại” vào trong triết học. Sự khủng hoảng và mất niềm tin vào các “siêu tự sự” được J.F. Lyotard khắc họa như là một đặc điểm nổi bật của nhận thức trong thời đại hiện nay. Bài viết phân tích một số quan điểm của J.F. Lyotard về những đặc điểm của thời đại và của nhận thức thông qua tác phẩm này.

Từ khóa: Hậu hiện đại, Trò chơi ngôn ngữ, Đại tự sự, Siêu tự sự, Hợp thức hóa

Abstract: Jean-François Lyotard is a French representative of postmodern philosophy. He became a pioneer who first introduced the concept “postmodern” into philosophy with his publication “The Postmodern Condition: A Report on Knowledge”. Here, crisis caused by incredulity toward “metanarratives” is discussed by J.F. Lyotard as one of the outstanding features of knowledge in the present era. The article analyzes some of J.F. Lyotard’s ideas on the characteristics of the postmodern era and knowledge presented in his above-mentioned book.

Key words: Postmodern, Language game, Grand narrative, Metanarrative, Legitimation

1. Vài nét về tác giả và tác phẩm

Jean-François Lyotard sinh năm 1924 ở Vincennes, Paris, Pháp. Ông học triết học tại Đại học Sorbonne, tốt nghiệp thạc sĩ năm 1950. Từ năm 1950 đến 1959, J.F. Lyotard giảng dạy triết học tại các trường trung học ở Constantine, Algeria. Từ năm 1959 đến

1966, ông làm trợ giảng tại Khoa Triết học, Đại học Paris X ở Nanterre. Ông tốt nghiệp tiến sĩ triết học năm 1971. Năm 1972, ông được phong giáo sư và giảng dạy tại Đại học Paris VIII ở Vincennes. J.F. Lyotard cũng được mời giảng dạy ở nhiều trường đại học trên thế giới. Cùng với Jacques Derrida, François Châtelet và một số người khác, ông là người đồng sáng lập Trường quốc tế Triết học (Collège international de philosophie) ở Paris.

(*) PGS.TS., Trường Đại học Duy Tân; Email: ngthung46@gmail.com

(**) ThS., Trường Cao đẳng Công nghệ thông tin Việt - Hàn, Đà Nẵng.

J.F. Lyotard công bố khoảng 30 công trình, trong đó có tác phẩm *Điều kiện hậu hiện đại: Báo cáo về nhận thức*. Công trình này vốn là một “Báo cáo” về “Những vấn đề của nhận thức trong những xã hội công nghiệp phát triển nhất”^(*), do Ủy ban Đại học Québec ở Montréal (Canada) đặt hàng và sau đó được xuất bản tại Pháp với tiêu đề *Điều kiện hậu hiện đại: Báo cáo về nhận thức* (J.F. Lyotard, 1979B). Cuốn sách được dịch ra tiếng Anh năm 1984 (J.F. Lyotard, 1984)^(**), được xuất bản bằng tiếng Việt năm 2012 (J.F. Lyotard, 2012)^(***). Sau khi ra đời, cuốn sách lập tức thu hút được sự chú ý rộng rãi của giới học giả và “mở ra một cuộc tranh luận sôi nổi, gay gắt, kéo dài trong giới triết học và khoa học xã hội chung quanh vấn đề ‘hậu hiện đại’”^(****).

Tác phẩm gồm *Phần mở đầu* và *14 chương nội dung*. Ngoài ra, trong các bản dịch còn có thêm *Lời giới thiệu* hay *Lời tựa* của các nhà nghiên cứu. Trong chương 1, tác giả trình bày vai trò của nhận thức trong điều kiện xã hội thông tin hiện nay. Ở chương 2 và chương 3, tác giả coi các hệ thống kiến thức đều là những “trò chơi ngôn ngữ” (tiếng Pháp: jeux de langue) với phương pháp “hợp thức hóa” (tiếng Pháp:

légitimation) là căn cứ vào các luật chơi của mỗi loại trò chơi. Chương 4 và chương 5 bàn về “Bản tính của mỗi liên hệ xã hội”, theo J.F. Lyotard, các môi liên hệ xã hội (tiếng Pháp: lien social) cũng là những trò chơi ngôn ngữ. Chương 6 và chương 7 đề cập đến hai loại nhận thức (kiến thức): *tự sự* và *khoa học* và *việc nghiên cứu thực dụng* (tiếng Pháp: pragmatique) về chúng. Từ chương 8 đến 12, tác giả trình bày chức năng và mối quan hệ của các tự sự; việc hình thành và giáo dục kiến thức đương đại thông qua tính hiệu quả của chúng (tiếng Pháp: performativité); việc “giải hợp thức hóa” (tiếng Pháp: délégitimation) các đại tự sự trong điều kiện hậu hiện đại. Chương 13 trình bày cơ sở khoa học của *thuyết bất định* nhằm bác bỏ thuyết tất định trong nhận thức. Trong chương 14, tác giả coi “nghịch biện” (tiếng Pháp: paralogie) là một phương pháp hợp thức hóa nhận thức.

2. Một số đặc điểm của thời kỳ hậu hiện đại được khắc họa trong tác phẩm

Về khái niệm “hậu hiện đại”

“Hậu hiện đại” (tiếng Anh: postmodern, tiếng Pháp: postmoderne) có nghĩa là “sau hiện đại”. Ở đây có 3 thuật ngữ cần phân biệt: “thời kỳ hậu hiện đại”, “điều kiện hậu hiện đại” và “chủ nghĩa hậu hiện đại”. Theo một số nhà nghiên cứu, thuật ngữ “hậu hiện đại” tuy xuất hiện sớm, nhưng đến khoảng năm 1971 mới được áp dụng trong lĩnh vực kiến trúc và sau đó là các lĩnh vực nghệ thuật khác, và lần đầu tiên được đưa vào lĩnh vực triết học năm 1979 qua tác phẩm *Điều kiện hậu hiện đại: Báo cáo về nhận thức* của J.F. Lyotard. Trong tác phẩm này, J.F. Lyotard không dùng thuật ngữ “chủ nghĩa hậu hiện đại”, có lẽ vì ông muốn *lẩn tránh vấn đề ý thức hệ*; tuy nhiên các nhà nghiên cứu vẫn dùng

(*) Nguyên bản tiếng Pháp của bản báo cáo: “Les problèmes du savoir dans les sociétés industrielles les plus développées” đang được công bố rộng rãi trên Internet.

(**) Từ “condition” (tiếng Pháp, tiếng Anh) có nghĩa là điều kiện hay hoàn cảnh. Danh từ “le savoir” (tiếng Pháp) hay “knowledge” (tiếng Anh) xuất phát từ động từ “savoir” (tiếng Pháp), “to know” (tiếng Anh) có nghĩa là sự nhận thức/kiến thức.

(***) Tiêu đề của quyển sách bị dịch thiếu một phần (có lẽ do bìa ngoài bản tiếng Pháp cũng in vắn tắt như vậy).

(****) Nhận xét của Bùi Văn Nam Sơn trong *Lời giới thiệu* của bản dịch này (J.F. Lyotard, 2012).

thuật ngữ này với dụng ý rằng tâm lý, tư tưởng hậu hiện đại cũng *chưa thoát khỏi tính ý thức hệ* của nó. Hiện nay trên thế giới vẫn chưa có sự thống nhất về mốc thời gian bắt đầu thời kỳ “hậu hiện đại”. Theo J.F. Lyotard, sự kết thúc “thời kỳ hiện đại” và mở đầu của “thời kỳ hậu hiện đại” diễn ra từ *cuối những năm 1950*, sau khi các nước châu Âu đã khắc phục hoàn toàn hậu quả của Thế chiến II: “Giả thuyết của chúng tôi là tình trạng nhận thức hiện nay đã thay đổi khi xã hội bước vào cái gọi là thời đại hậu công nghiệp và các nền văn hóa bước vào cái gọi là thời đại hậu hiện đại. Sự chuyển biến này diễn ra sớm nhất là từ cuối những năm 1950 đánh dấu sự kết thúc công cuộc tái thiết của châu Âu. Nó diễn ra nhanh chậm tùy từng nước và trong từng nước thì tùy theo các khu vực hoạt động” (J.F. Lyotard, 1979A: 5; 2012: 59). Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng nó bắt đầu từ *sau khi kết thúc Chiến tranh Lạnh* (đầu những năm 1990) với sự sụp đổ của bức tường ngăn cách Đông - Tây Berlin.

Về đặc điểm của khoa học - công nghệ, kinh tế, chính trị trong thời kỳ hậu hiện đại

Trong tác phẩm *Điều kiện hậu hiện đại: Báo cáo về nhận thức*, J.F. Lyotard sử dụng những khái niệm như “thời đại hậu công nghiệp”, “xã hội thông tin”... để chỉ đặc điểm của lực lượng sản xuất trong thời kỳ hậu hiện đại. Ông đặc biệt nhấn mạnh sự thay đổi vai trò của khoa học trong lực lượng sản xuất. Trong chương đầu, ông viết: “Người ta thừa nhận rộng rãi rằng tri thức đã trở thành lực lượng sản xuất chính yếu (la principale force de production) trong một số thập kỷ gần đây, điều này đã tác động rõ rệt đến thành phần của lực lượng lao động trong hầu hết các nước phát

triển và là cái cổ chai (khó khăn, thách thức, ND) quan trọng cho những nước đang phát triển”. “Dưới hình thức một hàng hóa thông tin thiết yếu cho lực lượng sản xuất, tri thức đã và sẽ tiếp tục là một thứ tiền cược lớn (*điều kiện tiên quyết*, ND), có lẽ là lớn nhất trong sự cạnh tranh quyền lực toàn cầu” (J.F. Lyotard, 1979A: 7; 2012: 64-66).

Về vai trò của tri thức khoa học, J.F. Lyotard đã đưa ra nhận xét có lẽ hơi quá sớm rằng: “tri thức không còn là cứu cánh tự thân nữa”, “nó mất đi giá trị sử dụng” (J.F. Lyotard, 1979A: 6-7; 2012: 64). Thật ra, tri thức khoa học hiện đại vẫn ngày càng có giá trị sử dụng to lớn trong phát triển mọi mặt của đời sống xã hội, nhất là đối với hoạt động kinh tế, cho nên mới có khái niệm “kinh tế tri thức”. Còn cho rằng nó được sản xuất chỉ để mua bán, chỉ có giá trị trao đổi và không có giá trị sử dụng, theo chúng tôi, *đây là một kết luận có tính cực đoan*. Việc “số hóa” để chuyển các kết quả nhận thức (sách, tài liệu, phim, ảnh, v.v...) vào kênh của công nghệ thông tin là một việc làm quan trọng hiện nay, nhưng theo J.F. Lyotard, “Từ đây có thể rút ra một điều dự đoán là tất cả những gì trong tri thức đã có mà không thể dịch ra được bằng cách ấy sẽ bị loại bỏ” (J.F. Lyotard, 2012: 63) *có lẽ là một kết luận cần phải được xem lại!*

Tình hình kinh tế, chính trị của thời kỳ hậu hiện đại, theo J.F. Lyotard, có đặc điểm là sự hồi phục và phát triển của châu Âu sau Thế chiến II, “sự mở lại thị trường thế giới, sự phục hồi của cuộc cạnh tranh kinh tế rất sôi động, sự mất đi thế độc quyền hoàn toàn của chủ nghĩa tư bản Mỹ, sự suy tàn của hướng lựa chọn chủ nghĩa xã hội, khả năng mở cửa của thị trường Trung Quốc cho

những trao đổi, và các yếu tố khác, xuất hiện vào cuối thập niên 70 này” (J.F. Lyotard, 1979A: 8; 2012: 68). Tuy tác phẩm này ra đời trước khi có sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa với mô hình kế hoạch tập trung và sự chấm dứt cuộc Chiến tranh Lạnh, nhưng J.F. Lyotard đã tiên đoán được một phần của tiến trình này.

Các nhà hậu hiện đại, trong đó có J.F. Lyotard, đều không thừa nhận thời đại hiện nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mà ngược lại, J.F. Lyotard cho rằng đây là giai đoạn mới của chủ nghĩa tư bản - “chủ nghĩa tư bản tự do tiên tiến” (tiếng Pháp: *capitalisme libéral avancé*) hay “chủ nghĩa tư bản giai đoạn cao” (tiếng Anh: *high capitalism*)” (J.F. Lyotard, 1979A: 53). Các nhà hậu hiện đại khác, như Jacques Derrida, sử dụng thuật ngữ “chủ nghĩa tư bản mới”; Fredric Jameson sử dụng từ “chủ nghĩa tư bản giai đoạn sau” (tiếng Anh: *late capitalism*) hay “chủ nghĩa tư bản toàn cầu” (tiếng Anh: *global capitalism*) để chỉ thời đại hiện nay.

3. Một số vấn đề về nhận thức trong tác phẩm

Về vấn đề bản chất của nhận thức và vấn đề hợp thức hóa nhận thức

J.F. Lyotard chịu ảnh hưởng lớn từ *triết học ngôn ngữ* (tiếng Anh: *linguistic philosophy*), đặc biệt là nhà triết học Áo Ludwig Wittgenstein^(*). Theo trường phái này, *nhận thức không phải là phản ánh thế giới khách quan, mà chỉ là đưa ra những phát ngôn* (tiếng Pháp: *énoncé*, tiếng Anh: *statement*) để biểu đạt, mô tả đối tượng. J.F. Lyotard phân biệt nhiều loại phát ngôn khác

nhau và theo ông không phải phát ngôn nào cũng được coi là tri thức: “Khác với tất cả các loại phát ngôn khác, tri thức là tập hợp các phát ngôn biểu đạt các đối tượng hay mô tả chúng, và là những phát ngôn có thể kết luận là đúng hay sai” (J.F. Lyotard, 1979A: 25; 2012: 103). Cũng như Wittgenstein, J.F. Lyotard cho rằng trong ngôn ngữ, ngoài các phát ngôn biểu đạt (tiếng Pháp: *énoncées dénotatifs*) còn có nhiều loại phát ngôn khác không chứa đựng tri thức.

Theo chúng tôi, *đồng nhất nhận thức với “phát ngôn” là không thỏa đáng*. Ngôn ngữ chỉ là phương tiện biểu đạt, mặc dù là phương tiện tốt nhất, nhưng không phải là nội dung của nhận thức. Nhận thức có thể được biểu đạt bằng những phương tiện khác ngoài ngôn ngữ.

J.F. Lyotard sử dụng thuật ngữ “trò chơi ngôn ngữ” của Ludwig Wittgenstein để bàn về bản chất của các loại nhận thức; quá trình nghiên cứu, hợp thức hóa và truyền đạt (giảng dạy) chúng. Trong tác phẩm này, J.F. Lyotard đã sử dụng ít nhất 50 lần thuật ngữ “trò chơi ngôn ngữ”. Đúng như nhận xét của Bùi Văn Nam Sơn trong lời giới thiệu của bản dịch này, “J.F. Lyotard còn đi xa hơn Wittgenstein ở một điểm: ông xem ngôn ngữ như là cuộc chơi có ‘cạnh tranh hơn thua’. Nó nhắm đến việc ‘thắng’, chứ không nhắm đến sự đồng thuận và chân lý”. Theo J.F. Lyotard, thắng thua không nhất thiết được đặt ra trong nhận thức tự sự, nhưng trong nhận thức khoa học thì đây lại là một điều kiện bắt buộc để một nhận thức mới (đối lập với một nhận thức cũ) được hợp thức hóa (J.F. Lyotard, 2012: 123).

Đưa khái niệm “trò chơi ngôn ngữ” vào lý luận nhận thức, J.F. Lyotard đã trang bị cho chúng ta một phương tiện hữu hiệu để

(*)Ludwig Wittgenstein (1889-1951) cùng với người thầy là Bertrand Russell (1872-1970) được coi là hai nhà sáng lập triết học về ngôn ngữ.

tiếp cận với nhiều hình thức nhận thức, như huyền thoại, tôn giáo và các hệ thống lý luận tư biện. Tuy nhiên, J.F. Lyotard lại rơi vào chủ nghĩa chủ quan khi quy mọi loại tri thức của con người và hiện tượng xã hội về “trò chơi ngôn ngữ”, nghĩa là không đếm xỉa gì đến tính tất yếu, khách quan, bởi vì, “trò chơi” chỉ dựa vào những luật chơi do người chơi thỏa thuận với nhau một cách chủ quan. Theo ông, khoa học thuộc loại trò chơi ngôn ngữ *biểu đạt* (tiếng Pháp: dénotatif) bao gồm 3 yếu tố: người phát (tiếng Pháp: destinateur), người nhận (tiếng Pháp: destinataire) và một vật tham chiếu (tiếng Pháp: référent). Trò chơi khoa học được chia thành “trò chơi nghiên cứu” và “trò chơi giảng dạy” (J.F. Lyotard, 2012: 116-117, 121). Khi đánh đồng khoa học với trò chơi ngôn ngữ, J.F. Lyotard đã rơi vào mâu thuẫn khi phải thừa nhận vấn đề chứng minh và bác bỏ trong khoa học. Ông cho rằng: “Phát ngôn khoa học tuyệt nhiên không đạt được giá trị hiệu lực chỉ bằng cách được tiếp tục kể lại. Thậm chí trong lĩnh vực sự phạm người ta dạy nó chỉ bởi vì hiện tại luôn có thể kiểm chứng được nó nhờ vào lập luận và bằng chứng (vérifiable par argumentation et preuve). Tự thân, nó luôn luôn nằm trong nguy cơ bị ‘kiểm sai’ (tiếng Anh: falsification)” (J.F. Lyotard, 1979A: 35; 2012: 122-123). Thừa nhận khả năng kiểm chứng và kiểm sai bằng chứng cứ có nghĩa là thừa nhận tính khách quan của khoa học, không giống như các “trò chơi” chỉ căn cứ vào các luật lệ chủ quan.

Không chỉ trong nhận thức, mà trò chơi ngôn ngữ là *phương pháp tiếp cận chung* (tiếng Pháp: méthode générale d’approche), và “các trò chơi ngôn ngữ là một phần tối thiểu của quan hệ cần có để có một xã hội”. Ngay một đứa trẻ sinh ra,

được người ta đặt cho một cái tên, tức là “đứa trẻ đã được đặt vào vị trí quy chiếu của câu chuyện mà mọi người quanh nó kể đến và trong quan hệ với câu chuyện đó, đứa trẻ về sau sẽ phải tạo ra một mối quan hệ mới”. Và ông kết luận: “Vấn đề quan hệ xã hội... là một trò chơi ngôn ngữ” (J.F. Lyotard, 1979A: 21-22; 2012: 96-97). Quy quan hệ xã hội về trò chơi ngôn ngữ, J.F. Lyotard đã không phân biệt được những quan hệ xã hội nào mang tính chủ quan do văn hóa, tín ngưỡng của từng dân tộc đặt ra như là những trò chơi ngôn ngữ với những quan hệ có tính khách quan mà mọi dân tộc đều phải thừa nhận, như quan hệ huyết thống, quan hệ sản xuất... Ta thấy rằng, dân tộc nào cũng có những cặp từ như: chủ nô - nô lệ, địa chủ - nông dân, người chủ - người làm thuê,..., nhưng ở đây, ngôn ngữ chỉ là phương tiện để biểu đạt các mối quan hệ khách quan mà thôi.

Đưa những khái niệm “hợp thức hóa” (tiếng Pháp: légitimation) và “giải hợp thức hóa” (tiếng Pháp: délégitimation) vào lý luận nhận thức, J.F. Lyotard cho thấy không phải lúc nào kết quả nhận thức của con người cũng “được chứng minh”, mà chỉ là “được hợp thức hóa”. Nhiều hệ thống kiến thức đã từng được đa số chấp nhận và giữ vai trò thống trị trong các thời kỳ trước đây không phải vì chúng đã được chứng minh là đúng đắn, thậm chí chúng còn là những kiến thức sai lầm, nhưng chúng được hợp thức hóa bằng nhiều cách, trong đó có vai trò quan trọng của giáo dục đại học, nhà nước, đảng cầm quyền, tôn giáo thống trị và trình độ nhận thức thấp kém của đông đảo quần chúng. Tuy nhiên, ý đồ của J.F. Lyotard muốn sử dụng những khái niệm này để thay thế cho những khái niệm “chứng minh”, “bác bỏ”

lại không thỏa đáng, bởi vì, không phải bất cứ kết quả nhận thức nào cũng chỉ cần hợp thức hóa là đủ, ví dụ, những tri thức khoa học, như toán học, vật lý học, v.v..., ra đời cách đây hơn 2.500 năm *không phải chỉ được hợp thức hóa mà đã được chứng minh* nên mới có giá trị cho đến ngày nay và cả sau này.

Hoài nghi về “đại tự sự”

Trong tác phẩm này, J.F. Lyotard sử dụng một số khái niệm triết học mới, như “tự sự” (tiếng Pháp: *récit, narratif*, có nghĩa là chuyện kể, do chính tác giả của nó *tự* thêu dệt ra bằng ngôn ngữ). Tác giả phân biệt “nhận thức” hay “kiến thức tự sự” (tiếng Pháp: *savoir narratif*) với “nhận thức” hay “kiến thức khoa” học (tiếng Pháp: *savoir scientifique*). J.F. Lyotard dành hai chương (6 và 7) bàn về sự phân biệt, sự kết hợp và xung đột lẫn nhau giữa hai loại nhận thức này. “Các tự sự là những hư cấu, huyền thoại, truyền thuyết, thích hợp với phụ nữ và trẻ con” (J.F. Lyotard, 2012: 125-126). J.F. Lyotard cho rằng, vì “trò chơi ngôn ngữ khoa học muốn các phát ngôn của mình có tính chân lý, nhưng không có khả năng hợp thức hóa chúng bằng các phương tiện của chính mình” (J.F. Lyotard, 2012: 128), vì thế, khoa học phải dựa vào các tự sự, trong đó có triết học, để quảng bá, diễn đạt, hợp thức hóa nhận thức của mình.

J.F. Lyotard phân biệt hai thể loại kiến thức tự sự: *một là*, “đại tự sự” (tiếng Pháp: *grand récit* hay *grand narratif*) trong đó có một số được coi là “siêu tự sự” (tiếng Pháp: *métarécit* hay *métanarratif*) và, *hai là*, tiểu tự sự (tiếng Pháp: *petit récit* hay *petit narratif*). Theo ông, “tiểu tự sự” vẫn còn rất cần thiết trong điều kiện hiện nay, vì “tiểu tự sự vẫn là hình thức tối ưu cho

trí tưởng tượng sáng tạo, và nhất là trong khoa học”. J.F. Lyotard xác định *đặc điểm nổi bật nhất của thời kỳ hậu hiện đại là thái độ hoài nghi về những siêu tự sự*. Theo ông: “Nói một cách thật đơn giản, ‘hậu hiện đại’, là sự hoài nghi đối với các siêu tự sự. Nó hiển nhiên là kết quả của sự tiến bộ trong các khoa học; nhưng sự tiến bộ này đến lượt nó lại làm tiền đề cho sự hoài nghi đó” (J.F. Lyotard, 2012: 54). Ông kể ra *ba cái siêu tự sự* được sử dụng để hợp thức hóa khoa học trong thời kỳ hiện đại, và đến nay đã mất hết giá trị, đó là: “Phép biện chứng của tinh thần, thông diễn học về ý nghĩa (*herméneutique du sens*), sự giải phóng chủ thể lý tính hay chủ thể lao động...” (J.F. Lyotard, 2012: 53-54)

Một trong những nguyên nhân của sự mất niềm tin vào những siêu tự sự, theo J.F. Lyotard, là “kết quả của những tiến bộ trong các khoa học”, trong đó có *thuyết bất định* trong vật lý học (chương 13). Thuyết bất định (hay còn gọi là *vô định luận*, đối lập với *thuyết tất định* hay *quyết định luận*) có nguồn gốc từ *nguyên tắc không thể biết chắc* (tiếng Anh: *the uncertainty principle*) trong vật lý học lượng tử. Các nhà khoa học và triết học đã dựa vào thuyết này để luận chứng rằng, con người không thể biết được tương lai một cách chắc chắn. Albert Einstein tuy không hoàn toàn ủng hộ nhưng cũng không hoàn toàn phủ nhận nó: “Tri thức về cái đang tồn tại sẽ không mở cửa trực tiếp đi đến tri thức về cái sẽ phải tồn tại. Một người có thể có tri thức rõ ràng nhất, hoàn chỉnh nhất về cái đang tồn tại, nhưng không thể từ đó suy diễn ra rằng cái gì sẽ là mục đích của những khát vọng của con người chúng ta” (Albert Einstein, 1960: 42). Còn J.F. Lyotard cho rằng: “sẽ là

thiếu khôn ngoan khi đặt niềm tin quá nhiều vào ngành tương lai học” (J.F. Lyotard, 2012: 60). Các đại tự sự, như *mục đích cuối cùng* của nhân loại do các tôn giáo, các hệ tư tưởng chính trị đưa ra, vì thế, là những điều không thể biết chắc được, do đó không thể tin được. Một nhà triết học hậu mác xít, hậu hiện đại nổi tiếng ở Mỹ, ông Fredric Jameson trong *Lời nói đầu* (Foreword) của tác phẩm *Điều kiện hậu hiện đại: Báo cáo về nhận thức* cho rằng: “Những chuyện tự sự chủ chốt ở đây là những chuyện cho rằng có thể có một cái gì đó sau chủ nghĩa tư bản, một cái gì đó hoàn toàn khác với chủ nghĩa tư bản; và chúng đã ‘hợp thức hóa’ thực tiễn trong đó những chiến sĩ chính trị tìm cách đem lại sự tồn tại cho một tương lai hoàn toàn khác”. Và Fredric Jameson cũng tán đồng quan điểm của J.F. Lyotard cho rằng, vấn đề không phải là một cuộc cách mạng cải tạo xã hội tư bản, mà là “tồn tại và thích nghi với chủ nghĩa tư bản, tạo ra những nhu cầu mới trong khuôn khổ hạn chế về mặt cơ cấu của phương thức sản xuất tư bản” (Fredric Jameson, 1984: xviii-xix).

Cách nhìn của J.F. Lyotard về vai trò của các đại tự sự là một đóng góp trong việc vạch trần tính chất tư biện trong các hệ thống triết học. Những mục đích cuối cùng hay còn gọi là cứu cánh (tiếng Pháp: *fin*; tiếng Anh: *end*) là những điều thuộc về tương lai xa vời, con người không thể biết được một cách chắc chắn, cho nên không thể lấy làm cơ sở cho niềm tin và hành động của chúng ta. Tuy nhiên, không phải mọi niềm tin và nỗ lực phấn đấu của con người đều mất hết giá trị của nó. Ví dụ, khẩu hiệu “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” được Cách mạng Pháp đưa ra đã bị nhiều nhà hậu hiện đại coi là những “đại tự sự”,

nhưng thực ra đang được thực hiện từng bước, từng phần. Nếu nghiên cứu sâu, ta sẽ thấy rằng có nhiều ý tưởng về chủ nghĩa cộng sản mà những người sáng lập chủ nghĩa Marx đưa ra hoàn toàn không phải là ảo tưởng. Ví dụ, vấn đề giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, tự do cá nhân, sự hưởng thụ của cá nhân đối với tất cả những thành quả sản xuất vật chất và tinh thần của nhân loại, v.v... đã và đang từng bước trở thành hiện thực. Còn những “mâu thuẫn” mà J.F. Lyotard nêu ra như những *bế tắc* trong việc thực hiện công cuộc giải phóng nhân dân lao động chỉ là *những mâu thuẫn biện chứng*, trong đó cả hai mặt đối lập đều có tính hợp lý và đang được thực hiện một cách có hiệu quả trong xã hội hiện nay (lao động vừa được tinh giản để nâng cao chất lượng trong từng doanh nghiệp, nhưng lại vừa được tăng đề ngày càng có nhiều việc làm hơn trong toàn xã hội).

4. Kết luận

Tác phẩm *Điều kiện hậu hiện đại: Báo cáo về nhận thức* của J.F. Lyotard được đánh giá cao và được coi là cái mốc đưa chủ nghĩa hậu hiện đại vào trong triết học. Nghiên cứu tư tưởng triết học của J.F. Lyotard và của những nhà hậu hiện đại khác giúp ta thấy và khắc phục được những sai lầm ảo tưởng trong cách tiếp cận đối với một loạt vấn đề xã hội.

Hạn chế cơ bản của tác phẩm là *quá cường điệu vai trò của ngôn ngữ, của trò chơi ngôn ngữ*. Ngoài ra, J.F. Lyotard cũng không tránh khỏi một số hạn chế chung của triết học hậu hiện đại, đó là: *chủ nghĩa chủ quan, chủ nghĩa hoài nghi và chủ nghĩa tương đối*. Mặc dù có những hạn chế nhất định, nhưng chúng ta phải thừa nhận J.F. Lyotard và các nhà hậu hiện đại khác

đã đưa ra nhiều vấn đề mới với những cách tiếp cận mới. Tuy nhiên, cần phải có một thời gian lâu dài để kiểm định mức độ đúng đắn của chúng □

Tài liệu tham khảo

1. Albert Einstein (1960), *Ideas and Opinions*, Crown Publishers Inc., New York.
2. *A chronology of Postmodernism*, <https://themetamodernist.com/2017/03/01/the-origins-of-postmodernism/>, ngày 25/12/2017.
3. Jean-François Lyotard (1979A), *Les problèmes du savoir dans les sociétés industrielles les plus développées*, Conseil des Universités, Québec.
4. Jean-François Lyotard (1979B), *La condition postmoderne: rapport sur le savoir*, Les Éditions de Minuit, Paris.
5. Jean-François Lyotard (1984), *The Postmodern Condition: A Report on Knowledge*, translation from French by Geoff Bennington and Brian Massumi, University of Minnesota Press, Minneapolis.
6. Jean-François Lyotard (2012), *Hoàn cảnh hậu hiện đại* (Ngân Xuyên dịch, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính và giới thiệu), Nxb. Tri thức, Hà Nội.
7. Karl Popper (1957), *The Poverty of Historicism*, The Beacon Press, Boston, USA, Chu Lan Đình dịch với tiêu đề *Sự nghèo nàn của thuyết sử luận*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2012.
8. Fredric Jameson (1984), *The Postmodern Condition*, University of Minnesota Press, Minneapolis.